

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1 HÀ NỘI

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CP XÂY DỰNG SỐ 1 HÀ NỘI

HÀ NỘI, THÁNG 4 NĂM 2011

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI
CÔNG TY CP XÂY DỰNG SỐ 1 HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1 HÀ NỘI

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.*
- *Căn cứ Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty Cổ phần.*
- *Căn cứ Quyết định số 1683/QĐ - BXD ngày 29/10/2004; Quyết định số 1820/QĐ-BXD ngày 23/9/2005 và Quyết định bổ sung số 2270/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng số 1 thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội.*
- *Căn cứ Quyết định số 1481/QĐ-BXD ngày 26/7/2005, Quyết định số 1517/QĐ-BXD ngày 29/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung phương án Cổ phần hoá: Công ty Xây dựng số 1 – Tổng công ty Xây dựng Hà Nội.*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội đã được sửa đổi, bổ sung và thông qua ngày 04/5/2010.*

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội ngày 27/4/2011.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã nhất trí thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của bản Điều lệ ngày 04 tháng 5 năm 2010 và các cổ đông cùng nhau cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những quy định trong Điều lệ này.

Điều lệ này cùng với quy định của các luật liên quan sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ

- 1.1 Khái niệm “Công ty” trong bản Điều lệ được hiểu là Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội.
- 1.2 “Người quản lý khác” của Công ty bao gồm: các Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng; Trưởng các phòng, Ban Công ty; Giám đốc các Chi nhánh và Văn phòng đại diện trực thuộc.
- 1.3 “Cổ đông” là cá nhân hay tổ chức được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là sở hữu cổ phần Công ty. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Người sở hữu cổ phần ưu đãi là cổ đông ưu đãi.
- 1.4 “Cổ đông sáng lập” là cổ đông tham gia thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của Công ty.
- 1.5 “Cổ phần” là vốn Điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau.

- 1.6 “Cổ phiếu” là chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của cổ đông góp vốn trong Công ty, cổ phiếu được ghi tên hoặc không ghi tên nhưng phải đủ nội dung chủ yếu quy định tại điều 85 của Luật doanh nghiệp.
- 1.7 “Trái phiếu” là hình thức nhận nợ của Công ty chủ nợ do Công ty phát hành dưới hình thức chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ hoặc các hình thức khác theo quy định hiện hành của Pháp luật. Xác định nghĩa vụ trả nợ và lãi của Công ty đối với người sở hữu trái phiếu.
- 1.8 “Cổ tức” là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty để trả cho mỗi cổ phần.
- 1.9 “Điều lệ” là bản thoả thuận và cam kết thực hiện của tất cả các cổ đông của Công ty, phù hợp với luật pháp hiện hành và sẽ là những quy tắc, quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 1.10 “Vốn Điều lệ” là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ Công ty.
- 1.11 “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được quy định trong khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp.
- 1.12 “Vốn có quyền biểu quyết” là phần góp vốn, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề được Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 2: Tên Công ty và hình thức

2.1 Tên Công ty : **Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội**

Tên giao dịch quốc tế: **Hanoi Construction Joint Stock Company No.1**

Tên viết tắt: **HACC1.**

- 2.2 Hình thức: Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo hình thức: Bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn.

Điều 3: Trụ sở, địa bàn hoạt động

- 3.1 Trụ sở chính của Công ty: 59 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04.39426957

Fax: 04.39426956

Email: cc1-hacc@fpt.vn

- 3.2 Địa bàn hoạt động: Lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài theo quy định của pháp luật. Văn phòng đại diện: Một số tỉnh thành trong cả nước.

Điều 4: Tư cách pháp nhân

- 4.1 Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội là Công ty con của Tổng công ty Xây dựng Hà Nội có tư cách pháp nhân đầy đủ, tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các luật khác có liên quan.
- 4.2. Công ty tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 4.3. Công ty là tổ chức kinh tế có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại các tổ chức tài chính, ngân hàng trong nước và ngoài nước theo quy định của Pháp luật. Hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.
- 4.4. Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với khoản nợ trong phạm vi vốn Điều lệ.

- 4.5. Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của Pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Điều 5: Phạm vi sản xuất kinh doanh của Công ty

- 5.1. Ngành nghề kinh doanh dưới đây đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm

quyền.

- 5.1.1. Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng và dân dụng
- 5.1.2. Xây dựng các công trình giao thông (đường, cầu, bến cảng...)
- 5.1.3. Xây dựng các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh, mương...)
- 5.1.4. Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp.
- 5.1.5. Xây dựng các công trình bưu điện, đường dây, trạm biến áp, phòng cháy chữa cháy, các công trình cấp thoát nước và trạm bơm.
- Lắp đặt các thiết bị cơ điện, nước công trình, thiết bị điện dân dụng, công nghiệp, điện máy, điện lạnh, gia nhiệt, phòng cháy chữa cháy và sửa chữa điện các loại.
- 5.1.7. Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, gạch, ngói, cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm, thép, cấu kiện và phụ kiện kim loại, sản xuất đồ mộc, nội thất dân dụng và Công nghiệp.
- 5.1.8. Kinh doanh dịch vụ, du lịch, nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn.
- 5.1.9. Đầu tư kinh doanh bất động sản.
- 5.1.10. Kinh doanh xuất, nhập khẩu máy móc, thiết bị, các loại vật tư, xăng dầu, vật liệu xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị và các ngành hàng khác theo quy định của Pháp luật.

- 5.1.11. Tư vấn thiết kế đầu tư Xây dựng:

- Lập các dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng đô thị nhóm B, nhóm C.
 - Khảo sát địa hình các công trình xây dựng.
 - Thiết kế quy hoạch chi tiết khu dân cư, khu chức năng đô thị
 - Thiết kế và lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng nhóm B, nhóm C.
 - Thẩm tra thiết kế kỹ thuật – Tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng nhóm B, nhóm C.
 - Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, xây dựng, mua sắm vật tư, thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng nhóm B, nhóm C.
- 5.1.12. Tư vấn giám sát kỹ thuật xây dựng, quản lý dự án các công trình Dân dụng, Công nghiệp, Giao thông, Thủy lợi, Kỹ thuật hạ tầng nhóm B, nhóm C.
- 5.1.13. Thực hiện các dịch vụ tư vấn xây dựng khác ngoài danh mục 1-15 phụ lục I của quy chế số 19/BXD-CSXD ngày 10 tháng 6 năm 1995 của Bộ Xây dựng.
- 5.2. Khi cần thiết Đại hội đồng cổ đông quyết định việc chuyển hay mở rộng các ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với cơ chế thị trường và Pháp luật.

Điều 6: Thời gian hoạt động

- 6.1 Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm (năm mươi năm) kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

6.2 Việc chấm dứt trước thời hạn hoặc gia hạn hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 7: Nguyên tắc tổ chức, quản lý và điều hành của Công ty

7.1 Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và đúng Pháp luật.

7.2 Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần góp vốn và chịu trách nhiệm về nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn góp vào Công ty.

7.3 Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

7.4 ĐHĐCĐ bầu Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty để quản lý Công ty, bầu Ban kiểm soát công ty để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.

7.5 Điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Điều 8: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác

8.1 Các tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức chính trị xã hội khác của Công ty hoạt động theo các quy định của cấp có thẩm quyền và theo Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

8.2 Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng Điều lệ của tổ chức đó quy định.

CHƯƠNG II

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Mục 1: QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY

Điều 9: Quyền tự chủ quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty

- 9.1 Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do cổ đông đóng góp và sử dụng đất đai, tài nguyên, và các nguồn lợi khác được giao để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh Công ty theo Điều lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT và Pháp luật hiện hành.
- 9.2 Công ty có quyền lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.
- 9.3 Tổ chức bộ máy quản lý, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả SXKD.
- 9.4 Đổi mới công nghệ, đầu tư trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- 9.5 Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định của Chính phủ.
- 9.6 Được phép kinh doanh những ngành nghề mà Nhà nước không cấm đã đăng ký theo đúng quy định của Pháp luật.
- 9.7 Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước.
- 9.8 Quyết định giá mua, giá bán động sản, bất động sản, vật tư, nguyên vật liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu, trừ những sản phẩm và dịch vụ mà Nhà nước định giá.
- 9.9 Được bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Pháp luật.

- 9.10 Đầu tư, liên doanh, liên kết góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của Pháp luật với mục đích phát triển sản xuất kinh doanh.
- 9.11 Tuyển dụng, ký kết các hợp đồng lao động, bố trí, sử dụng, đào tạo lao động. Lựa chọn các hình thức trả lương, trả thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở cống hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật lao động và các quy định khác của Pháp luật.
- 9.12 Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác nước ngoài phù hợp chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định của Nhà nước.
- 9.13 Được hưởng các quyền với tư cách là Công ty con của Tổng công ty Xây dựng Hà Nội quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy định khác của Pháp luật.

Điều 10: Quyền quản lý tài chính của Công ty

- 10.1 Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và sinh lãi.
- 10.2 Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng đến, tài sản thanh lý.
- 10.3 Phát hành, chuyển nhượng, bán cổ phiếu, trái phiếu, tăng giảm vốn Điều lệ theo quy định của Pháp luật. Được thế chấp các tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty tại các Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để vay vốn kinh doanh theo quy định của Pháp luật. Khi có đầy đủ điều kiện, Công ty có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.
- 10.4 Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận còn lại cho cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- 10.5 Được hưởng các chế độ ưu đãi khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo quy định của Nhà nước.

Mục 2: NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 11: Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- 11.1 Đăng ký kinh doanh và kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả sản xuất kinh doanh. Chịu trách nhiệm trước các khách hàng và Pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.
- 11.2 Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với các chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu của thị trường.
- 11.3 Ký kết và tổ chức thực hiện các Hợp đồng đã ký kết với khách hàng.
- 11.4 Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật lao động, đảm bảo cho người lao động tham gia quản lý Công ty bằng thoả ước lao động tập thể và các chế độ quy định khác.
- 11.5 Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tổ chức hoạt động và các vấn đề liên quan khác định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Nhà nước, quy định của Tổng công ty Xây dựng Hà Nội và của ĐHĐCĐ Công ty và chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo.
- 11.6 Chịu sự kiểm tra của các Cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của Pháp luật. Tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 11.7 Không ngừng đổi mới công nghệ sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất. Thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao.

- 11.8 Thực hiện các quy định về bảo vệ tài nguyên, môi trường, di tích lịch sử văn hoá, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và công tác phòng chống cháy, nổ.
- 11.9 Thực hiện các nghĩa vụ với tư cách là công ty con của Tổng công ty Xây dựng Hà Nội theo quy định của Tổng công ty và các quy định khác của Pháp luật.

Điều 12: Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty

- 12.1 Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, hạch toán kế toán - thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do Pháp luật quy định, chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty.
- 12.2 Bảo toàn và phát triển vốn
- 12.3 Thực hiện các khoản thu và các khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm thành lập
- 12.4 Công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm. Đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty.
- 12.5 Thực hiện các nghĩa vụ về nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của Pháp luật
- 12.6 Công ty chịu trách nhiệm vật chất đối với các khách hàng trong phạm vi vốn Điều lệ của đơn vị mình.

CHƯƠNG III

VỐN, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

Mục 1: VỐN

Điều 13: Vốn Điều lệ

13.1 Vốn Điều lệ của Công ty do các cổ đông tự nguyện tham gia đóng góp bằng nguồn vốn hợp pháp của mình.

Vốn Điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được quy đổi theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam

13.2 Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này được xác định là: **80.000.000.000 đồng** (Tám mươi tỷ đồng).

13.3 Cơ cấu vốn phân theo sở hữu, cụ thể như sau:

13.3.1. Vốn Nhà nước trị giá 40.288.650.000 đồng, chiếm 50,36% vốn Điều lệ do Tổng công ty Xây dựng Hà Nội nắm giữ.

13.3.2 Vốn của các cổ đông khác trị giá 39.711.350.000 chiếm 49,64% vốn Điều lệ.

13.3.3 Việc tăng (giảm) vốn do ĐHCĐ quyết định, phù hợp với các quy định của Pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận. Thủ tục xác nhận vốn Điều lệ thực hiện tại và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp nhận.

13.4 Vốn Điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh như sau:

13.4.1 Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

13.4.2 Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ

13.4.3 Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh

13.4.4 Thực hiện các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản

13.4.5 Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty

13.5 Không sử dụng vốn Điều lệ để chia cho cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác nhưng phải phù hợp với các quy định của Pháp luật)

Điều 14: Vốn đi vay và các loại vốn khác

- 14.1 Vốn huy động là tài sản của các chủ sở hữu khác. Công ty được quyền huy động để sử dụng và có trách nhiệm hoàn trả cả vốn lẫn lãi (nếu có)
- 14.2 Công ty được tiếp nhận vốn uỷ thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các loại vốn khác theo quy định.
- 14.3 Công ty được vay vốn Ngân hàng, các tổ chức tài chính hoặc phát hành các loại trái phiếu ra công chúng và các hình thức huy động khác theo luật định.

Mục 2: CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU

Điều 15: Cổ phần

- 15.1 Cổ phần là vốn Điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau. Chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ sách xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty gọi là cổ phiếu. Số tiền ghi trên cổ phiếu là giá trị cổ phiếu.
- 15.2 Công ty phát hành các loại cổ phần theo quy định của Pháp luật: Cổ phần phổ thông và các loại cổ phần ưu đãi. Tùy theo nhu cầu phát triển và hiệu quả sử dụng vốn của Công ty, cổ phần ưu đãi có thể gồm các loại sau: Cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại cổ phần ưu đãi khác cùng các phương cách áp dụng.
- 15.3 Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 8.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VNĐ (mười ngàn đồng chẵn). Trong đó nhà nước giữ 4.028.865 cổ phần và các cổ đông khác nắm giữ là 3.971.135 cổ phần.

Điều 16: Cổ phiếu

- 16.1 Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu của Bộ tài chính quy định. Cổ phiếu của Công ty có nhiều mệnh giá.
- 16.2 Công ty phát hành 2 loại cổ phiếu.
- 16.2.1 Cổ phiếu ghi danh:
- * Cổ phiếu ghi danh có ghi tên người chủ sở hữu trên tờ cổ phiếu.
 - * Cổ phiếu của cổ đông sáng lập, của Nhà nước, người lao động và nhà đầu tư chiến lược sở hữu số cổ phần mua theo giá ưu đãi.
 - * Việc chuyển nhượng cổ phần ghi danh phải tuân theo các quy định tại điều 18.6 của Bản Điều lệ này và các quy định khác của Pháp luật.
- 16.2.2 Cổ phiếu không ghi danh:
- * Là cổ phiếu phát hành cho các cổ đông không phải là các đối tượng được quy định tại khoản 16.2.1 nêu trên.
 - * Cổ phiếu phát hành thêm khi công ty cần tăng vốn Điều lệ.
 - * Cổ phiếu ghi danh đã được chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ này.
 - * Cổ phiếu của cổ đông là người lao động trong công ty được mua theo giá ưu đãi mà cổ đông này đã trả hết nợ.
 - * Ngân sách Nhà nước (nếu có) tại Công ty không phải ghi danh.
- 16.3 Nếu cổ phiếu bị rách, hư hỏng hay bị mất, cổ đông sở hữu có thể xin cấp lại cổ phiếu nếu trình đủ chứng cứ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông sở hữu đó phải trả phí do Công ty quy định.
- 16.4 Người sở hữu cổ phiếu không ghi danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản cổ phiếu và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những cổ phiếu này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

Điều 17: Sổ đăng ký cổ đông

- 17.1 Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông là văn bản và tập dữ liệu điện tử.
- 17.2 Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu như sau:
- Tên trụ sở của Công ty

- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp.
- Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần của mỗi cổ đông, ngày tháng đăng ký cổ phần.

17.3 Sổ đăng ký cổ đông được lưu trữ tại trụ sở của Công ty và phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả cổ đông biết

Điều 18: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

- 18.1 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần. trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
- 18.1.1 Cổ phần chào bán lần đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh.
 - 18.1.2 Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.
 - 18.1.3 Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh được Pháp luật thừa nhận. Trường hợp giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và người bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán.
 - 18.1.4 Cổ phần chào bán cho cán bộ công nhân viên, cán bộ chủ chốt, Hội đồng quản trị, Lãnh đạo Công ty...
- 18.2 Cổ phần được bán hoặc được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ các thông tin về cổ đông, địa chỉ, số lượng, cổ phần, ngày tháng đăng ký cổ phần vào sổ đăng ký cổ đông thì kể từ thời điểm đó người mua cổ phần hoặc người nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

- 18.3 Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông.
- 18.4 Cổ phần của Công ty có thể chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty. Cổ đông muốn bán và chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính của Công ty và phải chịu chi phí chuyển nhượng theo quy định của Hội đồng quản trị. Bên nhận chuyển nhượng phải thanh toán trước khi nhận cổ phiếu.
- 18.5 Khi Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo trình tự của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 18.6 Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh được thực hiện theo quy định.
- 18.6.1 Đối với cổ phần Nhà nước được chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- 18.6.2. Trong 03 năm đầu kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán. Cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập có thể chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
- 18.6.3. Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế về việc chuyển nhượng đối với cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập được bãi bỏ.
- 18.6.4. Đối với cổ phần được vốn Nhà nước bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp chỉ được chuyển nhượng sau khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 18.6.5. Hội đồng quản trị, trong phạm vi thẩm quyền của mình, trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn của cổ đông xin chuyển nhượng cổ phiếu phải xem xét, xử lý việc chuyển nhượng. Trường hợp không chấp thuận cho chuyển nhượng cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo rõ lý do cho cổ đông. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phiếu không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phiếu đó.

- 18.7 Cổ phiếu không ghi danh được tự do chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật và của bản Điều lệ này.
- 18.8 Trong trường hợp Pháp luật cho phép, cổ đông Công ty có quyền bán một phần hoặc toàn bộ số cổ phần của mình cho cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
- 18.9 Đối với cổ phần bán theo giá ưu đãi cho Cán bộ chủ chốt, HĐQT, Lãnh đạo Công ty, Lãnh đạo các đơn vị trong Công ty chỉ được phép chuyển nhượng sau thời gian phát hành 3 năm.

Điều 19: Thừa kế cổ phần

Việc thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Pháp luật

Điều 20: Phát hành thêm cổ phiếu

- 20.1 Việc phát hành thêm cổ phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định theo Điều lệ của Công ty và phù hợp với Pháp luật hiện hành.
- 20.2 Cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo quy định của Nhà nước và phải được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 21: Phát hành trái phiếu

- 21.1 Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật
- 21.2 Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời gian địa điểm phát hành.

Điều 22: Mua cổ phần, trái phiếu

* Trường hợp giá trị một cổ phần cao hơn 10.000 VNĐ/cổ phần thì giá trị mua lại cổ phần của Công ty là 10.000 Việt Nam đồng.

* Trường hợp giá trị một cổ phần thấp hơn hoặc bằng 10.000 VNĐ/cổ phần thì giá trị mua lại cổ phần của Công ty là giá trị 01 cổ phần được tính như trên.

23.1.3 Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

23.2 Mua lại cổ phần theo quy định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau:

23.2.1 Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán cho mỗi loại do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp khác việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định.

23.2.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 23.2.3 của bản Điều lệ này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác, thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

23.2.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi bản chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo.

23.3 Thu hồi cổ phần

- 23.3.1 Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị sẽ gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.
- 23.3.2 Nếu các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi số cổ phần đã nêu trong thông báo ấy vào bất kỳ lúc nào trước khi cổ đông chưa thanh toán đầy đủ các khoản phải nộp, tiền lãi và các khoản chi phí có liên quan. Khi bị thu hồi số cổ tức được công bố cho các cổ phần bị thu hồi liên quan cũng bị ngừng trả luôn cho đến thời điểm thu hồi.
- 23.3.3 Cổ phần bị Công ty thu hồi hoặc do người sở hữu nộp lại sẽ trở thành tài sản của Công ty và Công ty có thể bán, phân phối và xử lý theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp.
- 23.3.4 Cổ đông nào có cổ phần bị thu hồi, hay đã nộp lại sẽ mất tư cách là cổ đông đối với số cổ phần liên quan, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới số cổ phần đó, mà vào thời điểm thu hồi, hoặc khi nộp lại phải thanh toán cho Công ty, cộng với tiền lãi tỷ lệ theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày bị thu hồi, hoặc nộp lại cho đến ngày thanh toán thực sự và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định cưỡng chế buộc thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi.

Điều 24: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

- 24.1 Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần mua lại cho cổ đông theo quy định tại điều 23 của Điều lệ, nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

- 24.2 Cổ phần được mua lại theo quy định theo điều 23 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
- 24.3 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 25: Trả cổ tức

- 25.1 Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Số cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần góp vốn. Căn cứ kết quả SXKD hàng năm và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể chia hoặc không chia cổ tức cho các cổ đông của Công ty. Tùy theo tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép, HĐQT có thể tạm ứng cho các cổ đông theo từng thời hạn 06 tháng

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt (tiền đồng VN), bằng cổ phiếu.

Cổ tức có thể được thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết của ngân hàng và của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản thu theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

- 25.2 Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước khi trả mỗi lần cổ tức. Thông báo trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, địa chỉ của Cổ đông, số cổ phần của cổ đông, mức cổ

tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông được nhận, thời gian, địa điểm và phương thức trả cổ tức.

- 25.3 Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

Điều 26: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với điều 24 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với điều 25 của Điều lệ này thì tất cả các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp số cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và Hội đồng quản trị cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

Mục 3: CỔ ĐÔNG

Điều 27: Quy định chung về cổ đông

- 27.1 Cổ đông của Công ty là những tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.
- 27.2 Cổ đông sáng lập của Công ty gồm các cổ đông có đủ các điều kiện sau:
- 27.2.1 Tham gia thông qua Điều lệ lần đầu của Công ty
- 27.2.2 Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.
- 27.3 Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đóng góp của mình vào Công ty.
- 27.4 Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền cổ phần được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.

27.5 Người đại diện phần vốn tại Công ty

- 27.5.1 Đối với cổ đông là tổ chức có thể cử một hoặc một số người có đủ năng lực pháp lý làm người đại diện phần vốn góp của cổ đông tại Công ty. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty theo quy định của pháp luật.
- 27.5.2 Cổ đông là cá nhân có thể uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi dân sự làm đại diện cho mình tại Công ty.
- 27.5.3 Việc uỷ quyền được thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty.
- 27.5.4 Các cổ đông có thể nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.

27.6 Thay thế cổ đông

- 27.6.1 Trong trường hợp cổ đông là tổ chức thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, giải thể thì tổ chức mới kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải cho Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, giải thể hoặc kế thừa và văn bản cử người đại diện vốn tại Công ty.
- 27.6.2 Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể, phá sản thì cổ phần của cổ đông này có thể được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác.
- 27.6.3 Việc thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của pháp luật. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế.

Người thừa kế hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới. Kể từ thời điểm thông tin của người thừa kế được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty thì người thừa kế trở

thành cổ đông của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế thừa.

Cổ phần của các thành viên HĐQT, BKS và các cán bộ quản lý khác cũng được tự do thừa kế nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên HĐQT, BKS và các chức danh quản lý tương ứng.

Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 28: Quyền lợi của Cổ đông

- 28.1 Được tham dự hoặc cử đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông và được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ. Mỗi cổ đông có một phiếu biểu quyết.
- 28.2 Được nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp với mức theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.
- 28.3 Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty tại thời điểm phát hành.
- 28.4 Được chia tài sản còn lại, khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các khoản nợ khác theo quy định của Pháp luật.
- 28.5 Được uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông.
- 28.6 Được yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình như quy định tại Điều 23 của bản Điều lệ này.
- 28.7 Các quyền khác theo quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp

28.8 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:

- Đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát;
- Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp sổ biên bản họp và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;

Điều 29: Trách nhiệm và nghĩa vụ của các cổ đông

29.1 Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nguồn gốc vốn góp.

29.2 Chấp hành Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

29.3 Thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị.

29.4 Chịu trách nhiệm về số lỗ của Công ty tương ứng với số vốn của mình sở hữu và chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty trong phạm vi số vốn của mình.

29.5 Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.

29.6 Các cổ đông có trách nhiệm thông báo bằng văn bản chính thức cho Công ty biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình để Công ty có điều kiện chuyển thông báo và tài liệu khi có yêu cầu.

29.7 Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức. Trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua

lại cổ phần. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

29.8 Thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Điều 30: Quyền của cổ đông là người lao động tại Công ty

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm quyết định cổ phần hoá được Nhà nước bán tối đa 62 cổ phần cho mỗi năm làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước với giá ưu đãi giảm giá 40% giá đấu bình quân với giá trị ban đầu là 10.000 VNĐ. Cổ phiếu loại cổ phần này là loại cổ phiếu ghi danh và chỉ được chuyển nhượng theo Điều 18.6.

CHƯƠNG IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ - ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 31: Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc Công ty.

Điều 32: Đại hội đồng cổ đông

32.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

32.2 Đại hội đồng cổ đông phải có đủ số lượng cổ đông tham gia tối thiểu theo quy định tại điều 33 điều 34 của bản Điều lệ này.

32.2.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp một lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập trong thời gian 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT có thể gia hạn nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

+ Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ hợp lệ khi có đủ số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

32.2.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.

b. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.

c. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

d. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm.

e. Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đã gây thiệt hại cho Công ty.

f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

g. Ấn định mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

h. Thông qua Điều lệ bổ sung, sửa đổi (nếu xét thấy cần thiết).

k. Quyết định một số vấn đề cần thiết khác có lợi cho Công ty.

32.2.3 HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

- b. Số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

32.2.4 Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a. Quyết nghị xử lý những vấn đề bất thường
- b. Bãi miễn hoặc bổ sung, thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát vi phạm Điều lệ gây thiệt hại cho Công ty.
- c. Quyết định hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện khi thấy không cần thiết.
- d. Biểu quyết bổ sung sửa đổi Điều lệ
- e. Quyết định xử lý những vấn đề khẩn cấp khác.

Điều 33: Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

33.1 Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần.

33.2 Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp:

33.2.1 Theo quyết định của Hội đồng quản trị

33.2.2 Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng hoặc của Ban kiểm soát trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý theo quy định của bản Điều lệ này.

33.2.3 Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại điều 33.2.2 điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập thì chậm nhất 15 ngày sau đó Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập thì cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, thể thức triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả ăn, ở và đi lại.

- 33.2.4 Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 34: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 34.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 10 ngày trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 34.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân. Tên trụ sở đối với tổ chức, số lượng cổ phần của từng cổ đông.
- 34.3 Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

34.4 Các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty đều có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 35: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

35.1 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp

35.2 Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày trước khi khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

35.3 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 35.2 điều này khi có một trong các trường hợp sau:

35.3.1 Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

35.3.2 Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

35.3.3 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông đưa vấn đề kiến nghị này vào dự kiến chương trình nội dung họp, nếu kiến nghị có đáp ứng các điều kiện được quy định tại điều 35.2 và 35.3 của Bản Điều lệ này, kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung họp, nếu Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 36: Thẻ thức triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông

36.1 Mời họp Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 07 ngày trước khi khai mạc.

Kèm theo giấy mời phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua Nghị quyết.

36.2 Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

36.2.1 Cổ đông có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản theo mẫu quy định cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được uỷ quyền phải trình giấy uỷ quyền cho ban tổ chức Đại hội trước khi khai mạc.

36.2.2 Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian kể từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Đại biểu đương nhiên dự họp Đại hội đồng cổ đông là các cổ đông sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

36.2.3. Trường hợp bên uỷ quyền là tổ chức thì văn bản uỷ quyền phải được người đại diện theo Pháp luật của tổ chức đó ký, đóng dấu.

36.2.4. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.

36.2.5. Người uỷ quyền có thể thu hồi sự uỷ quyền bằng văn bản gửi HĐQT.

36.3 Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

36.3.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết.

36.3.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 36.3.1 thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc.

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì được triệu tập cuộc họp lần thứ 3 (ba) trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

36.3.3. Trước ngày khai mạc cuộc họp, cổ đông phải tiến hành đăng ký việc dự họp ĐHĐCĐ. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết để thông qua các nội dung trong chương trình họp ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị là người chủ trì phiên họp đại hội. Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách, thư ký đại hội đồng do Hội đồng quản trị giới thiệu để ghi biên bản đại hội. Thư ký có quyền kiểm tra hoặc yêu cầu Ban kiểm soát xem xét tư cách các đại biểu dự đại hội. Đại hội quyết định cuối cùng về những vấn đề nêu ra trong chương trình nghị sự.

36.3.4. Ban tổ chức Đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội, lập danh sách hiện diện (ghi tên cổ đông, số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện).

Điều 37: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

37.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các phiên họp, hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

37.2 Ngoài các quy định tại điều 40.2 và 55.2 thì quyết định Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:

37.2.1 Được cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

37.2.2 Đối với các quyết định về số lượng cổ phần được quyền chào bán, sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty, tổ chức lại, giải thể Công ty, đầu tư hoặc bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

37.2.3 Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thông qua thư tín hoặc fax, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. Trong trường hợp này để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải tiến hành các công việc sau:

- Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến.
- Nội dung phiếu lấy ý kiến ít nhất phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, mục đích lấy ý kiến, vấn đề cần lấy ý kiến và đầu đề các tài liệu tương ứng được gửi kèm, thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến của Công ty, phương án biểu quyết “Nhất trí” “Không nhất trí” “Không có ý kiến”.
- Gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu. Thông báo kết quả kiểm phiếu và các quyết định được thông qua đến tất cả cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ thời hạn cuối cùng mà cổ đông phải gửi ý kiến của họ về Công ty.

37.2.4. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo tới cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày quyết định được thông qua.

37.2.5. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 38: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 38.1 Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản có nội dung sau:
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông
 - Chương trình làm việc.
 - Chủ tọa và thư ký.
 - Tóm tắt các ý kiến phát biểu của Đại hội đồng cổ đông.
 - Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số cổ phiếu chấp thuận, số phiếu trống và số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua.
 - Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.
 - Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- 38.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 39: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời gian 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- 39.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 39.2 Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 40: Hội đồng quản trị

40.1 Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty giữa hai kỳ đại hội. Quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

40.2 HĐQT có 05 (năm) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Thành viên của HĐQT được trúng cử theo số phiếu từ cao xuống thấp thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

Việc biểu quyết miễn nhiệm, bãi miễn, xử lý sai phạm đối với thành viên HĐQT tuân thủ theo điều 37.2.1.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần quyết định cử người tham gia ứng cử vào HĐQT để làm nhiệm vụ là người quản lý phần vốn Nhà nước trong Công ty cổ phần.

40.3 HĐQT gồm 01 (một) Chủ tịch, 01 (một) Phó Chủ tịch và các uỷ viên. HĐQT bầu và bãi miễn Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT bằng thẻ thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín với đa số phiếu chấp thuận (tính theo số thành viên HĐQT).

40.4 HĐQT có các quyền, nhiệm vụ sau:

40.4.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

40.4.2 Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

40.4.3 Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

40.4.4 Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền.

40.4.5 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được

ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 50.3.7 (điều 50) và điều 53 của Điều lệ này.

- 40.4.6 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc tài chính, quyết định mức lương và lợi ích khác của TGD, Phó TGD và Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính Công ty. Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định thù lao và lợi ích khác của những người đó.
- 40.4.7 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, liên doanh, liên kết và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
- 40.4.8 Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
- 40.4.9 Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- 40.4.10 Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty, định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.
- 40.4.11 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
- 40.4.12 Quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) số cổ phần đã bán của từng loại.
- 40.4.13 Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
- 40.4.14 Đề xuất việc bầu cử và bãi miễn thành viên HĐQT, có thể đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu thấy trái Pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết của HĐQT.
- 40.4.15 Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại luật Doanh nghiệp và khi được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền thực hiện.

40.4.16 Quyết định kiểm toán và lựa chọn đơn vị kiểm toán.

40.5 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

40.6 Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Khi thực hiện chức năng của mình HĐQT tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty. Thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm, trong trường hợp này cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 41: Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị

41.1 Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty.

41.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Chuẩn bị chương trình, nội dung các tài liệu phục vụ cho cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
- Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ.

- Lập chương trình công tác và phân công các thành viên HĐQT thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty.
 - Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quyết định, các Hợp đồng, thoả thuận, nghị quyết thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
 - Ký quyết định cử đi công tác, đào tạo nước ngoài đối với các chức danh do Hội đồng quản trị quản lý theo đề nghị của Tổng Giám đốc và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
 - Được uỷ quyền và chịu trách nhiệm về sự uỷ quyền của mình.
 - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này.
- 41.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được uỷ quyền thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch, Phó chủ tịch đều vắng Chủ tịch HĐQT có thể uỷ quyền cho một thành viên HĐQT thay mặt đảm trách việc quản lý Công ty.

Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc thì các thành viên còn lại bầu một trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

- 41.4 Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công không được uỷ quyền cho người khác.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị:

- 41.4.1 Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương án phát triển, kết quả hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ.
- 41.4.2 Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.

41.4.3 Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.

41.4.4 Thực hiện Điều lệ của Công ty và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty.

Điều 42: Hoạt động của Hội đồng quản trị

42.1 Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần.

42.1.1 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp phiên bất thường khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban Kiểm soát
- Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
- Có đề nghị của Tổng giám đốc Công ty hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác.
- Hội đồng quản trị có thể mở rộng thành phần khi cần thiết. Những thành viên được mời, được thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

42.1.2 Cuộc họp của HĐQT phải được tiến hành trong vòng 15 (mười lăm) ngày sau khi nhận được đề xuất họp. Nếu Chủ tịch HĐQT không chấp thuận triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra với Công ty, những người mong muốn tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập cuộc họp HĐQT để quyết định những vấn đề có liên quan đến

quyền lợi của Công ty, phù hợp với những quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

42.1.3 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 5 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên và phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

42.1.4 Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên HĐQT, có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

42.2 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (75%) tổng số thành viên trở lên tham dự. Trường hợp cuộc họp không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu đa số thành viên tham dự chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

42.3 Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị có nội dung như sau:

- Thời gian và địa điểm họp.
- Họ và tên thành viên tham dự
- Chương trình và nội dung họp.
- Các vấn đề thảo luận và biểu quyết, kết quả biểu quyết.
- Tóm tắt phát biểu ý kiến tại phiên họp.
- Các Quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua.
- Chữ ký ghi rõ họ tên của tất cả các thành viên dự họp.

- Chủ tọa, thư ký và những người ký tên vào biên bản phải liên đới trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.

42.4 Những vấn đề được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc đối với các thành viên trong Công ty.

42.5 Khi có vấn đề giải quyết nhưng không thể triệu tập hoặc xét thấy không cần thiết phải triệu tập cuộc họp thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng quản trị về vấn đề này để có căn cứ quyết định. Trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được thông báo và tài liệu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên đó phải gửi bằng văn bản thông báo ý kiến của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu quá thời hạn nêu trên mà thành viên đó không gửi văn bản thông báo ý kiến của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thì xem như đã chấp thuận nội dung đề cập.

Điều 43: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

43.1 Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị (trong thời gian từ Đại hội đồng cổ đông thành lập đến Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ nhất, thành viên Hội đồng quản trị hưởng thù lao do Hội đồng quản trị quyết định (tuỳ theo tình hình, kết quả SXKD của Công ty).

43.2 Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 44: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

44.1 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cán bộ quản lý các đơn vị trong Công ty cung

cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.

44.2 Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 45: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

45.1 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm.

45.2 Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.

Điều 46: Điều kiện ứng cử thành viên HĐQT

46.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau đây:

46.1.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự;

46.1.2 Là cổ đông cá nhân sở hữu từ 0,3% (không phải ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng hoặc là người được đề cử bởi Cổ đông là tổ chức, nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng.

46.1.3 Có trình độ học vấn từ đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

46.1.4 Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

46.1.5 Không thuộc các đối tượng cấm của Pháp luật.

46.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điều 28.8 của bản Điều lệ này khi có đủ điều kiện được đề cử hoặc ứng cử vào HĐQT.

Điều 47: Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

- 47.1 Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức, từ nhiệm hoặc cổ đông là tổ chức muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, Phó chủ tịch, Ủy viên Hội đồng quản trị của Công ty phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty. Trong thời gian 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị phải họp để xem xét và quyết định.
- 47.2 Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ.
 - b. Có đơn xin từ chức.
 - c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong thời gian 6 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - d. Vi phạm Điều lệ Công ty và không có khả năng đảm nhận công việc theo đề nghị của ít nhất 3/5 (ba phần năm) số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm.
- 47.3 Ngoài các trường hợp quy định tại điều khoản 47.2, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 47.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm bị miễn nhiệm thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế. Trường hợp không có Phó chủ tịch thì HĐQT cử 01 (một) người thành viên trong Hội đồng quản trị thay thế, đảm nhiệm công việc cho đến Đại hội gần nhất.
- 47.5 Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông Công ty bất thường trong thời gian 60 (sáu mươi) ngày để bầu bổ sung. Trong các trường hợp khác Đại hội đồng cổ đông gần nhất sẽ bầu thành viên mới để thay

thể cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

Điều 48: Bàn giao, tiếp nhận giữa Công ty Xây dựng số 1 với Công ty cổ phần xây dựng số 1 Hà Nội

Sau khi Đại hội đồng cổ đông được thành lập, những người được bầu vào các chức danh Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận toàn bộ lao động, tài sản, các Hồ sơ tài liệu của Công ty và các công việc còn lại của Ban ĐMQL tại doanh nghiệp. Hội đồng quản trị hoàn tất các thủ tục còn lại và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về những công việc đó.

Điều 49: Tổng giám đốc và tiêu chuẩn lựa chọn

49.1 Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số thành viên hoặc người khác làm Tổng giám đốc và uỷ nhiệm cho Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

49.1.1 Tổng giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

49.1.2 TGD có thể là người đại diện sở hữu một phần hoặc toàn bộ phần vốn của Nhà nước tại Công ty.

49.2 Tổng giám đốc là người điều hành việc kinh doanh hàng ngày của Công ty và chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

49.3 Giúp việc cho Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc.

49.4 Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

49.4.1 Có trình độ quản lý kinh doanh thuộc các ngành kinh tế, kỹ thuật từ đại học trở lên có ít nhất 05 năm liên tục đảm nhận công tác quản lý

trong ngành nghề kinh doanh của Công ty. Có kiến thức và kinh nghiệm quản lý, hiểu biết Pháp luật.

49.4.2 Không thuộc đối tượng quy định tại điều 13 Luật doanh nghiệp

49.4.3 Không kiêm Tổng Giám đốc tại các tổ chức kinh tế khác.

49.4.4 Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

Điều 50: Chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của Tổng giám đốc

50.1 Điều hành và quản lý tất cả các vấn đề liên quan đến công việc hàng ngày của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Công ty theo Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Điều lệ, Nội quy, Quy chế Công ty và quy định của các luật liên quan.

50.2 Tổng giám đốc là Trưởng ban thi đua khen thưởng và xử lý vi phạm của Công ty.

50.3 Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

50.3.1 Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

50.3.2 Kiến nghị phương án, cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty trong điều hành sản xuất kinh doanh. Bổ nhiệm, bãi miễn, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

50.3.3 Tổ chức thực hiện, điều hành và kiểm tra mọi hoạt động theo kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.

50.3.4 Thay mặt HĐQT quản lý toàn bộ tài sản của Công ty.

50.3.5 Nghiên cứu và đề nghị các phương án, biện pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động và phát triển của Công ty. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý nội bộ để HĐQT duyệt.

- 50.3.6 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với các chức danh quản lý trong Công ty: Trưởng văn phòng đại diện, Thủ trưởng các phòng, ban đơn vị trực thuộc, trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm.
- 50.3.7 Quyết định giá Xây dựng các công trình, giá dự thầu, trúng thầu, giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những công trình, sản phẩm, dịch vụ do nhà nước quy định; trừ những sản phẩm dự án đầu tư). Quyết định ký các hợp đồng giao nhận thầu xây dựng.
- 50.3.8 Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc theo quỹ lương do HĐQT phê duyệt.
- 50.3.9 Được phép mời và tiếp khách trong nước và nước ngoài. Được phép cử CBCNV dưới quyền đi thăm quan, học tập kinh nghiệm trong nước.
- 50.3.10 Kiến nghị việc lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, kể cả liên doanh, liên kết, góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh theo quy định của Pháp luật và quy định tại điều lệ này.
- 50.3.11 Có quyền bảo lưu ý kiến đối với quyết định của HĐQT khi quyết định này theo TGD là trái Pháp luật và phải thông báo ngay cho HĐQT, Ban kiểm soát bằng văn bản.
- 50.3.12 Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp: Thiên tai, dịch họa, sóng thần, trường hợp bất khả kháng khác, song phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình và báo cáo ngay với HĐQT.
- 50.3.13 Quyết định kiện tụng và theo dõi mọi tranh chấp đối với Công ty. Đại diện cho Công ty trong việc khởi kiện các vụ án liên quan đến quyền lợi và để bảo vệ quyền lợi cho Công ty.
- 50.3.14 Được quyền tuyển dụng, thuê mướn, bố trí lao động, cũng như khen thưởng và xử lý vi phạm ... theo quy định của Bộ luật lao động. Trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- 50.3.15 Từ chối việc thực hiện các quyết định của Chủ tịch, thành viên HĐQT nếu thấy trái Pháp luật, trái Điều lệ, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải thông báo ngay cho Ban kiểm soát.
- 50.3.16 Thực hiện các quy định về nghĩa vụ của người quản lý Công ty được quy định tại điều 119 Luật Doanh nghiệp.
- 50.3.17 Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đối với HĐQT, đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập HĐQT bất thường để giải quyết những trường hợp vượt quá quyền hạn của Tổng giám đốc.
- 50.3.18 Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của HĐQT. Nếu điều hành trái với quy định mà gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 51: Ủy quyền – Ủy nhiệm

- 51.1 Tổng giám đốc có thể ủy quyền cho các Phó Tổng giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về việc ủy nhiệm của mình.
- 51.2 Người được Tổng giám đốc ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và Pháp luật về việc mình làm.
- 51.3 Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến con dấu Công ty phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 52: Từ nhiệm, đương nhiệm mất tư cách

- 52.1 Khi Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị trước 30 (ba mươi) ngày. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.
- 52.2 Tổng giám đốc đương nhiệm mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Chết, bị tuyên bố là mất tích, mất trí, mất quyền công dân.
- Tự ý bỏ nhiệm sở quá 07 (bảy) ngày.
- Vi phạm Điều 13 Luật doanh nghiệp.

Điều 53: Hợp đồng giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:

- 53.1 Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với; a/ Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (quy định tại điều 118 Luật doanh nghiệp); b/ Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết của Công ty và những người có liên quan của họ chỉ được uỷ quyền ký kết theo quy định sau:
- 53.1.1 Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty (trừ trường hợp quy định tại Điều 37.2.2 của Điều lệ Công ty) thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
- 53.1.2 HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong sổ sách kế toán của Công ty; Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- 53.2 Trường hợp ký kết các hợp đồng quy định tại khoản 1 nêu trên được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT thông qua thì được coi là Hợp đồng vô hiệu và được xử lý theo quy định của Pháp luật. Người gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của Pháp luật.

Điều 54: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

54.1 Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi quyền hạn trách nhiệm của mình có các nghĩa vụ sau:

54.1.1 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, hợp pháp và chỉ được hành động trong phạm vi được giao vì lợi ích của Công ty.

54.1.2 Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân và cho người khác, không được đem tài sản của Công ty cho người khác, không được tiết lộ bí mật Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.

54.1.3 Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:

- a. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả các chủ nợ biết.
- b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên Công ty, kể cả cho người quản lý.
- c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại điểm a, b điều này.
- d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.

54.1.4 Các nghĩa vụ khác theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 55: Ban kiểm soát

55.1 Ban kiểm soát là người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.

55.2. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, hoặc bầu bổ sung với đa số phiếu tính từ cao xuống thấp thực hiện theo phương án bầu dồn phiếu.

55.3. Các thành viên Ban kiểm soát bầu Trưởng Ban kiểm soát. .

55.4. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thành lập. Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm soát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập Công ty.

Điều 56: Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban kiểm soát

56.1. Ban kiểm soát phải có trình độ, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty. Có ít nhất một thành viên trong Ban kiểm soát có nghiệp vụ và am hiểu tài chính kế toán.

56.2. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Từ 21 (hai mươi một) tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;

b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.

c. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

56.3. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, mất năng lực hành vi, hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù, bị Tòa án tước quyền hành nghề vi phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép trốn thuế, lừa dối khách hàng, và các tội khác theo qui định của Pháp luật.

Điều 57: Nhiệm kỳ Ban kiểm soát

57.1. Nhiệm kỳ Ban kiểm soát trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 45 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.

57.2. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung theo thể thức bầu trực tiếp bằng phiếu kín.

Điều 58: Nhiệm vụ quyền hạn của Ban kiểm soát

58.1. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát.

58.2. Mỗi thành viên Ban kiểm soát dưới sự chỉ đạo và phân công của trưởng Ban kiểm soát, có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

58.2.1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.

58.2.2. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điều 28.8 của bản Điều lệ này.

a. Yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông trên phải bằng văn bản và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên trụ sở chính hoặc tên nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của cổ đông.

- Số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty.

- Vấn đề cần kiểm tra, mục đích của kiểm tra.

b. Ban kiểm soát phải tiến hành kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông nêu trên trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ khi nhận được yêu cầu.

c. Sau khi kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông, nhóm cổ đông

có yêu cầu, thông báo phải nêu rõ tính hợp lý, hợp pháp và các sai sót, kiến nghị giải pháp tương ứng khắc phục nếu có. Trong vấn đề được kiểm tra, báo cáo tất cả cổ đông biết tại cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông.

58.2.3. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và ý kiến lên Đại hội đồng cổ đông.

58.2.4. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

58.2.5. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

58.2.6. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

58.2.7. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

58.3. Việc kiểm tra quy định tại điều 58.2.1 và điều 58.2.2 không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

58.4. Các thành viên Ban kiểm soát hưởng thù lao theo quy định của Đại hội đồng cổ đông. Chi phí hoạt động của thành viên Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty (trong thời gian từ Đại hội đồng cổ đông được thành lập đến đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ nhất, thành viên Ban kiểm soát hưởng thù lao do HĐQT quyết định tùy theo tình hình SXKD của Công ty).

58.5. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 59: Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các bộ phận quản lý khác phải cung cấp đầy đủ kịp thời những thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Tham dự các cuộc họp của HĐQT, phát biểu ý kiến và kiến nghị, nhưng không được biểu quyết nếu có ý kiến không được HĐQT chấp thuận thì có quyền yêu cầu ghi biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty.

Điều 60: Từ chức, từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

- 60.1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 56 của Điều lệ này;
 - b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn xin từ chức;
 - d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 60.2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, xử lý thành viên Ban kiểm soát có vi phạm trong các trường hợp như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 60.3. Trường hợp khuyết thành viên là Trưởng ban kiểm soát thì số thành viên còn lại cử người thay thế cho đến Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu bổ sung.

60.4. Trong trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát có nghiệp vụ về tài chính kế toán thì Hội đồng quản trị phải tạm thời cử người thay thế cho đến Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu bổ sung.

Điều 61: Trình báo cáo hàng năm và yêu cầu kiểm toán

61.1 Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty.

b. Báo cáo tài chính

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.

61.2 Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền yêu cầu thì báo cáo tài chính hàng năm phải được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua. Nếu xét thấy cần thiết thì có thể tổ chức kiểm toán nội bộ công ty, kết quả kiểm toán phải báo cáo Hội đồng quản trị.

61.3 Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

61.4 Báo cáo và tài liệu do HĐQT chuẩn bị gồm: Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát, báo cáo kiểm toán, phải có trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên chậm nhất 7 (bảy) ngày ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại điều này trong thời gian hợp lý.

Điều 62: Công khai thông tin về Công ty

- 62.1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, và không chậm quá 06 tháng, Công ty gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý khác có liên quan.
- 62.2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.
- 62.3. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền xem xét hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty tại Cơ quan đăng ký kinh doanh và phải trả phí.

Điều 63: Bảo quản sử dụng con dấu và tài liệu

- 63.1. Con dấu của Công ty cổ phần xây dựng số 1 Hà Nội được khắc theo mẫu quy định của nhà nước, trước khi sử dụng phải đăng ký tại cơ quan quản lý theo quy định.
- 63.2. Con dấu được HĐQT, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý theo quy định của Pháp luật hiện hành. Con dấu được lưu giữ tại văn phòng Công ty.
- 63.3. Công ty phải lưu bảo quản các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Công ty theo thời hạn quy định của Pháp luật:
 - Điều lệ Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ Công ty, sổ đăng ký cổ đông.
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm.
 - Các tài liệu giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản Công ty.
 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các Quyết định đã được thông qua.

- Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ.
- Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.
- Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán.
- Các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG V

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 64: Chế độ quyền lợi của người lao động

64.1. Chế độ tuyển dụng

Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ Hợp đồng lao động. Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt mức tối đa tổng số nhân viên biên chế và quỹ lương toàn Công ty. Tổng giám đốc Công ty căn cứ vào mức ấn định của HĐQT có quyền tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động và bố trí lao động theo nhu cầu của Công ty trên cơ sở định mức lao động.

64.2. Chế độ quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty.

Khi Doanh nghiệp có quyết định chuyển thành Công ty cổ phần thì Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có trách nhiệm như sau:

- Tiếp nhận bàn giao tối đa số lao động có từ Công ty Xây dựng số 1 sang Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội.
- Tiếp tục thực hiện những cam kết trong Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể đã được ký kết trước đó hoặc thương lượng để thay đổi, bổ sung của Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động, Thỏa ước lao động mới.

- Người lao động đang làm việc cho Công ty và theo chế độ Hợp đồng lao động khi chuyển sang Công ty cổ phần sẽ được ký lại Hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Đối với người lao động tự nguyện chấm dứt Hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành.
- Thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chế độ khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 65: Hạch toán

- 65.1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.
- 65.2. Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo Luật kế toán thống kê hiện hành.
- 65.3. Cuối mỗi năm tài chính, Công ty lập các bản báo cáo sau:
 - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - Bảng cân đối kế toán
 - Thuyết minh báo cáo tài chính.

Các báo cáo này phải được gửi đến thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát để xem xét ít nhất trước 15 ngày của kỳ Đại hội thường niên.

65.4. Sau đại hội, các văn bản, biên bản Đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty theo quy định tại điều 63.3 của bản Điều lệ này.

Điều 66: Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích quỹ

66.1. Theo quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành với Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty gồm:

- Lợi nhuận trước thuế = Tổng thu nhập - Tổng chi phí.
- Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế - Thuế.

66.2. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ: Quỹ dự trữ bắt buộc, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi... theo quy định.

66.3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm (trong thời gian từ Đại hội đồng cổ đông thành lập đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ nhất, Hội đồng quản trị quyết định các quỹ và phân phối lợi nhuận tùy theo tình hình SXKD của Công ty)

Điều 67: Xử lý kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải pháp kịp thời theo các biện pháp sau:

- Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG VII

THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, TRANH CHẤP

Điều 68: Thành lập

Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội được chính thức hoạt động khi hoàn tất các thủ tục sau:

- Xác định danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phần phát hành và cam kết đóng đủ tiền theo quy định của Nhà nước hoặc có Công ty tài chính bảo lãnh hết số cổ phần còn lại.
- Đã bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm Tổng giám đốc, và các chức danh quản lý điều hành khác theo đề nghị của Tổng giám đốc.
- Hoàn tất các thủ tục với các cơ quan Nhà nước theo Luật pháp hiện hành.
- Bản Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thành lập chấp thuận và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Chi phí thành lập Công ty được quyết toán trừ vào phần vốn Nhà nước trước khi chuyển sang Công ty cổ phần.

Điều 69: Hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi

Việc hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty theo quy định tại Điều 152, Điều 153 và Điều 154 của Luật Doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, quyết định.

Điều 70: Giải thể Công ty

Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

- Khi hết hạn hoạt động theo quy định tại Điều 6 của bản Điều lệ này mà Đại hội đồng cổ không có quyết định gia hạn.
- Công ty bị thua lỗ 3/4 vốn Điều lệ, yêu cầu giải thể Công ty của cổ đông được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Khi có lý do chính đáng, Hội đồng quản trị đề nghị giải thể và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Quyết định của Tòa án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Công ty không còn đủ lượng thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục.

Điều 71: Thủ tục giải thể doanh nghiệp

Khi có quyết định giải thể Công ty. Đại hội đồng cổ đông lập Hội đồng thanh lý thay thế Hội đồng quản trị để cùng Ban kiểm soát làm nhiệm vụ giải thể Công ty theo trình tự và thủ tục được quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 72: Giải quyết tranh chấp nội bộ

72.1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của Công ty hay quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay bất cứ các quyền và nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các Luật khác hoặc các quy định hành chính giữa:

- Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty.
- Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc thì các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng hoà giải. Trừ trường hợp liên quan đến HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh

chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp có liên quan đến HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- 72.2. Nếu hoà giải không thành thì trong vòng 45 ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án kinh tế.
- 72.3. Mỗi bên tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà án phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 73: Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 74: Thể thức sửa đổi bổ sung các điều khoản của Điều lệ

- 74.1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong bản Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản Pháp luật khác liên quan điều chỉnh.
- 74.2. Khi muốn bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi, thể thức họp thông qua nội dung thay đổi theo quy định tại điều 37 của bản Điều lệ này.

74.3. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ phải được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 75: Hiệu lực thi hành

75.1. Bản Điều lệ lần đầu gồm 8 (tám) chương 75 (bảy mươi lăm) điều được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần xây dựng số 1 Hà Nội thông qua và chấp thuận toàn bộ vào ngày 19 tháng 10 năm 2005.

Bản Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty cổ phần xây dựng số 1 Hà Nội thông qua và chấp thuận toàn bộ vào ngày 27/4/2011 và thay thế cho Điều lệ của Công ty đã thông qua và ban hành ngày 04/5/2010.

75.2. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, các trưởng, Phó phòng, Ban chức năng, các đơn vị trực thuộc và toàn thể cán bộ, công nhân, nhân viên Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh bản Điều lệ này.

75.3. Điều lệ được lập thành 09 (chín) bản có giá trị như nhau:

- 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 01 bản lưu trữ tại trụ sở Công ty.
- 05 bản cho thành viên Hội đồng quản trị.
- 01 bản cho Tổng Giám đốc Công ty.
- 01 bản cho Trưởng Ban kiểm soát Công ty.

75.4. Các bản trích, bản sao phải có chữ ký của người có thẩm quyền mới có giá trị pháp lý.

**CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
THÔNG QUA ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1 HÀ NỘI**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND hoặc hộ chiếu	Chữ ký
1	Hoàng Văn Hoà	Phòng 505 Khu tập thể 111 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.	Số CMND: 010066908	
2	Trần Xuân Lân	Nhà 12, tổ 12 ngõ 102, phố Tô Vĩnh Diện, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Số CMND 011893259	
3	Vũ Tùng Dương	Số 5 ngách 49/41 Đường Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, Hà Nội	Số CMND: 011069535	
4	Tống Văn Định	Số nhà 17 ngõ 98, phố Hoàng Ngân, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	Số CMND: 010565091	
5	Nguyễn Thị Nga	57NB Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Số CMND: 010148673	

Hà Nội, ngày tháng năm 2011

T/M HĐQT CÔNG TY CPXD SỐ 1 HÀ NỘI